

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu Khu tái định cư Hàm Ninh, đặc khu
Phú Quốc, tỉnh An Giang, tỷ lệ 1/2.000**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 66.1/2025/NQ-CP ngày 18/7/2025 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc lập mới, điều chỉnh và phê duyệt quy hoạch phân khu đối với khu vực hình thành đô thị khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành “Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng”;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành định mức, phương pháp và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định 948/QĐ-TTg ngày 17/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về giao nhiệm vụ chuẩn bị các điều kiện và thực hiện một số biện pháp để triển khai nhanh các dự án phục vụ Hội nghị APEC 2027 tại thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Thông báo số 98/TB-VPCP ngày 10/3/2025 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thường trực Chính phủ tại cuộc họp rà soát, chuẩn bị cho đăng cai Tuần lễ cấp cao APEC 2027;

Căn cứ Thông báo số 200/TB-VPCP ngày 24/4/2025 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Chí Dũng tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Thông báo số 351/TB-VPCP ngày 6/7/2025 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Chí Dũng tại cuộc họp triển khai các dự án hạ tầng phục vụ Hội nghị APEC 2027; Trên cơ sở tờ trình số 277/TTr-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc xem xét điều chỉnh bổ sung Quyết định số 948/QĐ-TTg ngày 17/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Kiên Giang (trước sáp nhập) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang đến năm 2040 (đề án Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 theo Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024);

Căn cứ Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 20/5/2025 của UBND tỉnh về tổ chức lập hoạch phân khu các khu vực có ý nghĩa quan trọng trên địa bàn thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (Nay là đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang);

Căn cứ Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh về việc tổ chức triển khai thực hiện các dự án phục vụ Hội nghị APEC 2027 tại đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang theo Quyết định số 948/QĐ-TTg ngày 17/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 07/9/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu Khu tái định cư Hàm Ninh, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang, tỷ lệ 1/2.000;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2019/TTr-SXD ngày 08/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phân khu Khu tái định cư Hàm Ninh, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang, tỷ lệ 1/2000, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi ranh giới, diện tích lập quy hoạch

- Phạm vi ranh giới nghiên cứu lập Quy hoạch phân khu Khu tái định cư Hàm Ninh, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang được xác định như sau:

+ Phía Tây Bắc giáp Đường tỉnh 973 (đường trục Nam - Bắc đảo Phú Quốc) và đất hạ tầng kỹ thuật (theo quy hoạch chung được duyệt);

+ Phía Tây Nam giáp đất thương mại dịch vụ; đất khu đô thị hỗn hợp phát triển mới; đất rừng phòng hộ (theo quy hoạch chung được duyệt).

+ Phía Đông Bắc giáp đất giao thông; đất quốc phòng; đất khu đô thị hỗn hợp phát triển mới, mật độ cao (theo quy hoạch chung được duyệt).

+ Phía Đông Nam giáp đất quốc phòng, đất giao thông và đất rừng phòng hộ.

- Diện tích lập quy hoạch khoảng 103,33ha (Trong đó: có khoảng 102,85ha khu tái định cư Hàm Ninh và 0,48ha đất giao thông của đường tỉnh 973).

2. Mục tiêu lập quy hoạch

- Nhằm cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (được phê duyệt Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 15/08/2025 của UBND tỉnh), Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang đến năm 2040 (được phê duyệt tại Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 22/08/2025 của UBND tỉnh), làm cơ sở để thực hiện danh mục các dự án phục vụ hội nghị APEC 2027 tại Quyết định 948/QĐ-TTg ngày 17/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Làm cơ sở pháp lý lập quy hoạch chi tiết, lập các dự án đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

3. Tính chất

Là khu ở tái định cư cho các hộ dân bị di dời khi hình thành, triển khai thực hiện các dự án phục vụ cho Hội nghị APEC 2027 và các dự án khác trên địa bàn đặc khu Phú Quốc.

4. Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật

4.1. Chỉ tiêu cơ bản về dân số

Dự báo sau khi hoàn thành, khu vực quy hoạch có thể đáp ứng nhu cầu tái định cư cho khoảng 3.800 hộ dân với quy mô dân số khoảng 15.200 người đến 16.000 người.

4.2. Chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất, hạ tầng xã hội

- Đất ở tái định cư dạng nhà liền kề không thấp hơn 15m²/ người và không vượt quá 40m²/người (theo quy hoạch chung được phê duyệt tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ đối với đất đơn vị ở mới). Đất ở tái định cư dạng nhà chung cư không thấp hơn 15m²/ người và không vượt quá 38m²/người (theo quy hoạch chung được phê duyệt tại Quyết

định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ đối với đất đơn vị ở mới mật độ cao).

- Các chỉ tiêu khác về sử dụng đất, hạ tầng xã hội sẽ được cụ thể trong bước lập quy hoạch chi tiết, đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung đã được phê duyệt (tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 22/08/2025 của UBND tỉnh), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng hiện hành (QCVN 01:2021/BXD) và các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

4.3. Chỉ tiêu cơ bản về hạ tầng kỹ thuật

- Cấp nước:

- + Sinh hoạt : 170 lít/người/ngày.
- + Công trình công cộng và dịch vụ : tối thiểu 2 lít/m² sàn/ngày.

- Cấp điện:

- + Sinh hoạt : 700W/người;
- + Công trình công cộng, dịch vụ : 20-30 W/m² sàn.
- Tỷ lệ thu gom nước thải sinh hoạt : 100% lượng nước cấp.
- Lượng thải chất thải rắn sinh hoạt : 1,3 kg/người-ngày.
- Thông tin liên lạc : 100 thuê bao/100 dân.

5. Cơ cấu sử dụng đất

Tổng diện tích khu vực lập quy hoạch khoảng 103,33 ha, được cơ cấu sử dụng đất như sau:

TT	Chức năng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở tái định cư	54,25	52,51
1.1	Đất nhà liền kề	41,81	40,47
1.2	Đất nhà chung cư	12,44	12,04
2	Đất y tế	1,02	0,98
3	Đất văn hóa	0,57	0,55
4	Đất giáo dục	3,72	3,60
5	Đất dịch vụ	6,68	6,47
6	Đất hạ tầng kỹ thuật	3,92	3,79
7	Đất cây xanh	15,37	14,87
8	Đất quảng trường	1,72	1,67
9	Đất giao thông	16,08	15,56
Tổng cộng		103,33	100

6. Chỉ tiêu sử dụng đất

STT	Chức năng	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Hệ số sử dụng đất tối đa (lần)
I	Đất ở tái định cư		54,25			
1	Đất nhà liền kề	TLK	41,81			
	Đất liền kề 01	TLK01	4,46	80*	5	4
	Đất liền kề 02	TLK02	2,44	80*	5	4
	Đất liền kề 03	TLK03	1,54	80*	5	4
	Đất liền kề 04	TLK04	4,45	80*	5	4
	Đất liền kề 05	TLK05	3,20	80*	5	4
	Đất liền kề 06	TLK06	5,15	80*	5	4
	Đất liền kề 07	TLK07	2,75	80*	5	4
	Đất liền kề 08	TLK08	2,98	80*	5	4
	Đất liền kề 09	TLK09	5,51	80*	5	4
	Đất liền kề 10	TLK10	4,59	80*	5	4
	Đất liền kề 11	TLK11	4,73	80*	5	4
2	Đất nhà chung cư	CC	12,44			
	Đất chung cư 01	CC-01	8,78	41**	9	3,7
	Đất chung cư 02	CC-02	3,66	41**	9	3,7
II	Đất y tế	YT	1,02		3	
	Đất y tế 01	YT-01	0,84	40	3	1,2
	Đất y tế 02	YT-02	0,18	40	3	1,2
III	Đất văn hóa	VH	0,57	40	3	1,2
IV	Đất giáo dục		3,72	40		
	Trường mầm non 01	MN-01	0,75	40	3	1,2
	Trường mầm non 02	MN-02	0,36	40	3	1,2
	Trường tiểu học	TH	1,35	40	5	2,0
	Trường THCS	THCS	1,25	40	5	2,0
V	Đất dịch vụ	DV	6,68	64		

STT	Chức năng	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Hệ số sử dụng đất tối đa (lần)
	Đất dịch vụ 01	DV-01	2,67	54	5	2,70
	Đất dịch vụ 02	DV-02	0,93	60	5	3,00
	Đất dịch vụ 03	DV-03	0,93	60	5	3,00
	Đất dịch vụ 04	DV-04	1,34	57	5	2,85
	Đất dịch vụ 05	DV-05	0,80	64	5	3,20
VI	Đất hạ tầng kỹ thuật		3,92			
	Đất hạ tầng kỹ thuật 01	HTKT-01	0,88	60	3	1,8
	Đất bãi đỗ xe 01	BX-01	0,37	-	-	-
	Đất bãi đỗ xe 02	BX-02	0,40	-	-	-
	Đất bãi đỗ xe 03	BX-03	0,40	-	-	-
	Đất bãi đỗ xe 04	BX-04	0,53	-	-	-
	Đất bãi đỗ xe 05	BX-05	0,29	-	-	-
	Đất trụ sở PCCC	PCCC	0,47	40	3	1,2
	Đất bãi tập trung CTR 01	CTR-01	0,01	-	-	-
	Đất bãi tập trung CTR 02	CTR-02	0,01	-	-	-
	Đất bãi tập trung CTR 03	CTR-03	0,01	-	-	-
	Đất bãi tập trung CTR 04	CTR-04	0,01	-	-	-
	Đất trạm XLNT	XLNT	0,54	-	-	-
VII	Đất cây xanh	CX	15,37			
	Đất cây xanh 01	CX-01	0,57	5	1	0,05
	Đất cây xanh 02	CX-02	0,93	5	1	0,05
	Đất cây xanh 03	CX-03	0,33	5	1	0,05
	Đất cây xanh 04	CX-04	0,81	5	1	0,05

STT	Chức năng	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Hệ số sử dụng đất tối đa (lần)
	Đất cây xanh 05	CX-05	0,31	5	1	0,05
	Đất cây xanh 06	CX-06	0,46	5	1	0,05
	Đất cây xanh 07	CX-07	1,18	5	1	0,05
	Đất cây xanh 08	CX-08	0,24	5	1	0,05
	Đất cây xanh 09	CX-09	0,68	5	1	0,05
	Đất cây xanh 10	CX-10	0,68	5	1	0,05
	Đất cây xanh 11	CX-11	0,14	5	1	0,05
	Đất cây xanh 12	CX-12	1,12	5	1	0,05
	Đất cây xanh 13	CX-13	2,27	5	1	0,05
	Đất cây xanh 14	CX-14	0,72	5	1	0,05
	Đất cây xanh 15	CX-15	0,56	5	1	0,05
	Đất cây xanh 16	CX-16	0,33	5	1	0,05
	Đất cây xanh 17	CX-17	4,05	5	1	0,05
VIII	Đất quảng trường	QT	1,72	-	-	-
IX	Đất giao thông	GT	16,08	-	-	-
Tổng cộng			103,33			

Ghi chú:

(*): Mật độ xây dựng đối với từng lô đất sẽ cụ thể trong bước lập quy hoạch chi tiết và phải được tính toán đảm bảo theo quy định tại Bảng 2.8 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng hiện hành (QCVN 01:2021/BXD).

(**): Mật độ xây dựng đối với từng lô đất sẽ cụ thể trong bước lập quy hoạch chi tiết và phải được tính toán cụ thể đảm bảo theo quy định tại Bảng 2.9 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng hiện hành (QCVN 01:2021/BXD).

7. Giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan

- Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan khu tái định cư theo hướng hiện đại, bền vững và hài hòa với không gian cảnh quan của khu vực xung quanh.

- Hình thành các nhóm nhà ở tái định cư với các loại hình nhà ở liền kề, nhà ở chung cư để cung cấp đa dạng các nhu cầu tái định cư trên địa bàn đặc khu Phú Quốc. Bố trí các công trình dịch vụ công cộng của đơn vị ở như y tế, văn hóa, giáo dục,.. ở các vị trí thuận lợi để cư dân tiếp cận. Bổ sung các khu

dịch vụ để cung cấp các dịch vụ thiết yếu khác (Như: thương mại, tài chính, bưu chính,...) cho khu tái định cư.

- Các khu công viên cây xanh bên trong khu ở theo dạng tuyến kết hợp với quảng trường tạo không gian kết nối các nhóm nhà ở, vừa cải thiện vi khí hậu, tạo môi trường sống trong lành, vừa là hình thành không gian sinh hoạt cộng đồng chung cho toàn khu. Ngoài ra các khu cây xanh cảnh quan được bố trí đan xen tại khu vực các công trình kiến trúc. Kiến trúc cảnh quan cây xanh công viên, vườn hoa là tổ hợp của nhiều thành phần như: Công trình kiến trúc nhỏ, đường dạo, cây xanh thảm cỏ,... kết hợp thành một tổng thể chung.

- Tổ chức không gian kiến trúc được tổ chức trên cơ sở tổng thể không gian và yêu cầu của từng loại công trình để tạo được công trình kiến trúc phù hợp, hài hoà thân thiện với cảnh quan toàn khu vực.

- Giải pháp thiết kế được thể hiện cụ thể trong bản đồ tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan và các bản vẽ quy định về việc kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan trong khu vực lập quy hoạch.

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

8.1. Giao thông

- Giao thông đối ngoại: Đường tỉnh 973 (*Ký hiệu mặt cắt 1-1*) và đường ra cảng Bãi Vòng (*Ký hiệu mặt cắt 1'-1'*) đoạn qua khu vực quy hoạch thực hiện theo quy hoạch chung được duyệt.

- Giao thông đối nội: Bố trí mới mạng lưới đường giao thông bên trong khu vực quy hoạch như sau:

- + Đường số 1, đường số 2 (*Ký hiệu mặt cắt 2-2*) có lộ giới rộng 26m, mặt đường rộng 18m, vỉa hè mỗi bên rộng 4m.

- + Đường số 3, đường số 4 (*Ký hiệu mặt cắt 3-3*) có lộ giới rộng 15m, mặt đường rộng 7m, vỉa hè mỗi bên rộng 4m.

- + Đường số 5 (*Ký hiệu mặt cắt 4-4*) có lộ giới rộng 30m, mặt đường rộng 20m, vỉa hè mỗi bên rộng 5m.

- + Đường số 6, đường số 7, đường số 8, đường số 9 (*Ký hiệu mặt cắt 5-5*) có lộ giới rộng 16m, mặt đường rộng 8m, vỉa hè mỗi bên rộng 4m.

- Giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản đồ quy hoạch hệ thống giao thông, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng.

8.2. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng

a) Cao độ san nền: Việc san nền dựa trên điều kiện địa hình tự nhiên, tuân thủ cao độ nền không chế theo Đồ án Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 được phê duyệt tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đồng thời bám theo độ dốc thiết kế của đường tỉnh 973 và đường ra cảng Bãi Vòng đảm bảo việc thoát nước mặt một cách tốt nhất, không bị ngập úng.

b) Thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế mới và riêng biệt với nước thải sinh hoạt, nước mưa thu về các tuyến cống chính chạy dọc theo đường giao thông rồi thoát về khu vực tự thủy hiện hữu dọc đường tỉnh 973 và đường ra cảng Bãi Vòng.

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết được thể hiện trong bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng.

8.3. Cấp nước

- Nguồn nước: dự kiến đầu nối với các tuyến ống hiện trạng trên tuyến đường tỉnh 973 và đường ra cảng Bãi Vòng.

- Mạng lưới cấp nước cho khu vực được thiết kế theo mạng vòng sử dụng các tuyến ống truyền dẫn, phân phối. Các tuyến ống cấp nước được bố trí trên vỉa hè đảm bảo cấp nước tới từng khu chức năng và chữa cháy khi cần thiết.

- Chữa cháy: Nước cấp cho xe cứu hỏa được lấy từ các trụ chữa cháy dọc đường. Khoảng cách giữa các họng cứu hỏa được xác định theo quy định, quy phạm hiện hành. Nguồn nước cứu hỏa được lấy từ đường ống cấp nước trong khu vực quy hoạch đảm bảo theo quy định.

- Tổng nhu cầu dùng nước khoảng 4.666 m³/ngày đêm.

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản đồ quy hoạch hệ thống cấp nước.

8.4. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Thoát nước thải

- Hệ thống thoát nước thải được tách riêng với hệ thống thoát nước mưa, nước thải được xử lý cục bộ tại các công trình bằng bể tự hoại, thu gom bằng các tuyến cống dẫn về trạm xử lý nước thải dự kiến bố trí ở phía đông nam của khu vực quy hoạch.

- Nước thải phải được thu gom và xử lý theo quy định. Tổng nhu cầu xử lý nước thải khoảng 3.536 m³/ngày đêm

- Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định, được tái sử dụng cho mục đích sản xuất, tưới cây, rửa đường.

b) Vệ sinh môi trường

- Rác thải sinh hoạt sau khi được thu gom từ các điểm tập trung chất thải rắn trong khu vực quy hoạch, được vận chuyển về các cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn đặc khu Phú Quốc theo quy hoạch chung được duyệt.

- Tổng nhu cầu xử lý chất thải rắn khoảng 25 tấn/ngày đêm.

Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết được thể hiện trong bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

8.5. Cấp điện và chiếu sáng

- Nguồn điện cấp cho khu vực quy hoạch được đấu nối với tuyến trung thế hiện trạng 22kV trên tuyến đường tỉnh 973 và đường ra cảng Bãi Vòng.
- Tổng nhu cầu sử dụng điện khoảng 16.500 kVA.
- Mạng lưới cấp điện và chiếu sáng được bố trí ngầm. Sử dụng đèn Led tiết kiệm điện năng thân thiết với môi trường.

Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết được thể hiện trong bản đồ quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng.

8.6. Thông tin liên lạc

- Nguồn cung cấp lấy từ mạng viễn thông và các tuyến cáp chính trên đường tỉnh 973 kết nối với các tủ phân phối thuộc khu vực quy hoạch.
- Tổng nhu cầu thông tin liên lạc cho toàn khu khoảng: 12.100 thuê bao.
- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết được thể hiện trong bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc.

9. Giải pháp bảo vệ môi trường: Được thể hiện trong bản vẽ đánh giá môi trường chiến lược và thuyết minh quy hoạch đảm bảo theo các quy định hiện hành.

10. Những hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực để thực hiện

10.1 Những hạng mục ưu tiên đầu tư

Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật (san nền, giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, cây xanh, chiếu sáng...), hệ thống hạ tầng xã hội, các khu ở tái định cư đồng bộ, hoàn chỉnh, đảm bảo đáp ứng yêu cầu tái định cư theo quy định hiện hành.

10.2. Nguồn lực thực hiện: Từ nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của Quyết định số 948/QĐ-TTg ngày 17/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Quy hoạch xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc và các sở, ngành có liên quan: Hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố công khai Quy hoạch phân khu Khu tái định cư Hàm Ninh, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang, tỷ lệ 1/2.000; Lập, phê duyệt hồ sơ mốc giới, triển khai cắm mốc theo quy hoạch được duyệt ngoài thực địa để các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan biết và giám sát thực hiện; Tổ chức quản lý không gian kiến trúc cảnh quan, sử dụng đất, hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Du lịch, Văn hoá và Thể thao; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc; Thủ trưởng các cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng (10b);
- Công báo tỉnh, Website An Giang;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT, lqkhanh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Công Thức